

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14/5/2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu
tố
nước ngoài”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân và ông Nguyễn Văn Sảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2025, về việc “*Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: Số B - 231 A, K, H, Nhật Bản. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Như K, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyền Quang; Hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, Trung Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Như K đăng ký kết hôn ngày 07/01/2014, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyền Quang, sau khi kết hôn vợ chồng chị T chung sống khá hạnh phúc nhưng hạnh phúc chỉ được kéo dài một thời gian ngắn. Năm 2017 chị T và anh K nảy sinh mâu thuẫn mà không thể hoà giải được, từ đó chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị T tại thôn Đ, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Trong thời gian đó anh K xuất cảnh sang Liên Bang N sinh sống và làm việc. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm vợ chồng ngày càng mâu

thuần. Tháng 8 năm 2023 chị T xuất cảnh sang Nhật Bản theo hình thức lao động xuất khẩu. Đến tháng 4/2024 anh K chuyển sang Đài Loan, Trung Quốc làm việc. Chị T xác định vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Như K.

Về con chung chị T và anh K có một con chung cháu là Trần Như Thành C, sinh ngày 02/4/2014. Hiện nay cháu Trần Như Thành C đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ của anh K (Là ông Trần Như B và bà Nguyễn Thị Đ), tại thôn :, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị T nhất trí để cho anh K trực tiếp nuôi con, (Ông B và bà Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Như Thành C trong thời gian anh Trần Như K đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài).

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T và anh K không có tài sản chung và không vay nợ chung.

Bị đơn anh Trần Như K hiện đang ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã niêm yết và giao cho bố mẹ đẻ anh K các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã xác minh thông qua người thân của anh K tại Việt Nam. Bố, mẹ đẻ anh K là ông Trần Như B và bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Ông B, bà Đ có ý kiến như sau: Ông B, bà Đ là bố, mẹ đẻ của anh Trần Như K, anh K hiện nay đang lao động tại Đài Loan, Trung Quốc, địa chỉ cụ thể của anh K, ông B, bà Đ không biết, vì anh K thường xuyên thay đổi địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, anh K vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm sức khỏe vợ chồng ông, bà. Về quan hệ vợ chồng, anh Trần Như K và chị Cao Thị T, đăng ký kết hôn ngày 07/01/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, sau khi kết hôn vợ chồng anh K và chị T chung sống khá hạnh phúc nhưng hạnh phúc, đến năm 2017 anh K và chị T nảy sinh mâu thuẫn nên chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị T tại thôn Đ, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Trong khi đó anh K xuất cảnh sang Liên Bang N sinh sống và làm việc. Tháng 8 năm 2023 chị T xuất cảnh sang Nhật Bản theo hình thức lao động xuất khẩu. Đến tháng 4/2024 anh K chuyển sang Đài Loan, Trung Quốc làm việc. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh K, vợ chồng ông B, bà Đ không nắm được nên mọi việc mâu thuẫn vợ chồng do anh K chị T tự giải quyết. Về con chung anh K và chị T có một con chung cháu là Trần Như Thành C, sinh ngày 02/4/2014. Hiện nay cháu Trần Như Thành C đang sinh sống cùng ông B và bà Đ tại thôn: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông B và bà Đ đề nghị tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Như Thành C trong thời gian anh Trần Như K đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Về tài sản chung và vay nợ chung của anh K và chị T không có tài sản chung và không vay nợ chung.

Do anh Trần Như K và chị Cao Thị T đang ở nước ngoài, nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung: Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Trần Như K. Về con chung giao cháu Trần Như Thành C, sinh ngày 02/4/2014 cho anh Trần Như K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T và anh K không có, không đề nghị giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Cao Thị T và anh Trần Như K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2014, tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Ngày 24/02/2025 chị Cao Thị T, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: Số B -231 A, K, H, Nhật Bản nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Như K, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay Đài Loan, Trung Quốc.

Ngày 13/3/2025, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh T có công văn số 191/QLXNC – Đ1 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân nội dung “Họ và tên: Trần Như K, sinh ngày 03/12/1992, địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Giới tính. N; quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu số E02659403 xác định ngày 20/9/2024 anh Trần Như K xuất cảnh tại Sân bay quốc tế N”. Như vậy qua thu thập thông tin, tài liệu xác định anh Trần Như K hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Trần Như K và chị Cao Thị T hiện đang ở nước ngoài, anh Trần Như K không có địa chỉ cụ thể, gia đình anh K xác nhận anh vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình tuy nhiên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh K. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Như K và chị Cao Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị T:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Cao Thị T phù hợp với ý kiến trình bày của bố mẹ đẻ anh Trần Như K và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện chị T và anh K ở hai nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều

năm. Do vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nhận đơn xin ly hôn của chị Cao Thị T.

[3.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Cao Thị T và anh Trần Như K có một con chung là cháu Trần Như Thành C, sinh ngày 02/4/2014. Hội đồng xét xử thấy chị T và anh K đều đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Cháu Trần Như Thành C hiện nay đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ của anh K là ông Trần Như B và bà Nguyễn Thị Đ, tại thôn: P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị T có nguyện vọng để cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Trần Như Thành C và nguyện vọng về việc nuôi con của chị T cần giao cháu Trần Như Thành C cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế. (Ông Trần Như B và bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Như Thành C trong thời gian anh Trần Như K đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài). Chị Cao Thị T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[3.3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Trần Như K và chị Cao Thị T không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Cao Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Cao Thị T và anh Trần Như K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Cao Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Trần Như K. *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014 ngày 07 tháng 01 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang);*

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Như Thành C, sinh ngày 02/4/2014 cho anh Trần Như K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000003370459, ngày 21/3/2025 và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 11 ngày 11 tháng 4 năm 2025 do ông Nguyễn Văn S nộp thay chị Cao Thị T tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Cao Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị T và Anh Trần Như K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Trung Hoà, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam